

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá toàn khoá học của sinh viên K55 tốt nghiệp năm 2025

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên K55 tốt nghiệp năm 2025 về chương trình đào tạo và các hoạt động giáo dục, tổ chức đào tạo, công tác đào tạo, công tác kiểm tra, đánh giá trong toàn khóa học làm cơ sở giúp Trường thực hiện điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo. Ngoài ra, đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, nguồn học liệu và các hoạt động phục vụ, hỗ trợ sinh viên trong toàn khóa học để Trường có biện pháp khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng đào tạo.

Quá trình khảo sát được thực hiện cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Đối tượng tham gia khảo sát

Sinh viên khoá K55, tốt nghiệp năm 2025.

1.2. Nội dung và công cụ khảo sát

Việc lấy phiếu khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên cuối khoá với các nội dung: Mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo (CTĐT); Hoạt động giảng dạy của giảng viên; Công tác tổ chức và quản lý đào tạo; Sinh hoạt và đời sống; Kết quả đạt được từ khoá học.

Phiếu khảo sát bao gồm 38 tiêu chí và 4 câu hỏi mở.

Các ý kiến được đánh giá theo thang điểm Likert gồm 5 mức độ:

1	2	3	4	5
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý

Số liệu được thu thập thông qua khảo sát online và khảo sát trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên trong quá trình sinh viên lấy bằng điểm cuối khoá.

2. Kết quả ý kiến phản hồi của sinh viên

2.1. Đánh giá chung

Trong tổng số 217 sinh viên K55 tốt nghiệp hệ chính quy năm 2025, Trường đã khảo sát được 207 ý kiến phản hồi, chiếm tỷ lệ 95.39%.

Bảng 1. Thống kê số lượng sinh viên K55 tốt nghiệp và phản hồi

Ngành	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng SV phản hồi
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	83	76
Quản trị kinh doanh	13	13
Du lịch	10	10
Du lịch điện tử	5	5
Quản trị khách sạn	82	80
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	17	16
Quản trị du lịch và khách sạn	7	7
Tổng	217	207

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Sau khi tiến hành xử lý số liệu, kết quả phản hồi của sinh viên K55 tốt nghiệp năm 2025 đối với nội dung từng tiêu chí được sắp xếp theo mức điểm trung bình từ cao đến thấp như sau:

Bảng 2. Điểm trung bình các tiêu chí

STT	Nội dung đánh giá	Điểm trung bình
1.	Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập	4.45
2.	Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	4.44
3.	Số lượng tín chỉ đào tạo CTĐT phù hợp	4.42
4.	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin	4.42

5.	Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm	4.41
6.	Phát triển kỹ năng giao tiếp	4.41
7.	SV được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học	4.41
8.	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời	4.40
9.	Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành	4.40
10.	Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt	4.39
11.	Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của môn học	4.39
12.	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy-học phù hợp với đặc thù từng môn học	4.38
13.	Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	4.38
14.	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Trường	4.38
15.	Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt	4.37
16.	Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo	4.36
17.	Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng	4.35
18.	Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	4.35
19.	SV tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học	4.35
20.	Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	4.34
21.	Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	4.33
22.	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	4.33

23.	Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai	4.33
24.	Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	4.32
25.	Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia	4.32
26.	Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra	4.31
27.	Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên	4.30
28.	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên	4.30
29.	Phát triển kỹ năng sử dụng tin học	4.29
30.	Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành	4.29
31.	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	4.29
32.	Cảnh quan vệ sinh môi trường	4.29
33.	Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau	4.28
34.	Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên	4.27
35.	Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu	4.27
36.	Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Trường	4.21
37.	Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên	4.07
38.	Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên	4.03

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 2** cho thấy các tiêu chí đều đạt **điểm trung bình cao (từ 4,03 đến 4,45/5)**, phản ánh **nhận thức tích cực của người khảo sát** đối với chất lượng chương trình đào tạo và hoạt động dạy – học của Nhà trường. Trong đó, các tiêu chí được đánh giá cao nhất gồm: “Giảng viên

đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập” (4,45 điểm), “Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn” (4,44 điểm), “Số lượng tín chỉ đào tạo của chương trình phù hợp” (4,42 điểm), “Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin” (4,42 điểm), “Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và nghiên cứu khoa học” (4,41 điểm). Điều này cho thấy người học đánh giá cao **năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy của giảng viên**, cũng như **sự phù hợp, tính thực tiễn của chương trình đào tạo**.

Nhóm tiêu chí có điểm trung bình từ **4,30 đến 4,39** chủ yếu liên quan đến công tác quản lý, hỗ trợ học tập và các hoạt động rèn luyện của sinh viên, như: sự quan tâm của cố vấn học tập, tính phù hợp giữa hình thức kiểm tra và nội dung môn học, chuẩn đầu ra, hoạt động văn hóa – thể thao, và kỹ năng tin học. Mặc dù vẫn ở mức tốt, nhưng kết quả này cho thấy **sinh viên mong muốn có thêm sự cải thiện trong công tác cố vấn học tập, cơ sở vật chất và hoạt động hỗ trợ ngoài lớp học**.

Ba tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất gồm: “Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Trường” (4,21 điểm), “Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học” (4,07 điểm) và “Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học” (4,03 điểm). Đây là **những khía cạnh còn hạn chế**, phản ánh **sự cần thiết phải đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập và dịch vụ hỗ trợ sinh viên** nhằm nâng cao hiệu quả học tập và thực hành nghề nghiệp.

Tổng thể, kết quả phân tích cho thấy **chất lượng đào tạo của Nhà trường được đánh giá ở mức cao**, đặc biệt là về đội ngũ giảng viên và sự phù hợp của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa **văn hóa chất lượng trong đào tạo**, Nhà trường cần chú trọng **hoàn thiện điều kiện cơ sở vật chất, tăng cường dịch vụ hỗ trợ sinh viên và cải thiện môi trường học tập – thực hành** nhằm đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa các yếu tố cấu thành chất lượng.

2.2. Kết quả đánh giá theo từng nội dung khảo sát

2.2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng 3. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với chuẩn đầu ra CTĐT

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	4.33
Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra	4.31
Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	4.35
Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Trường	4.38

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 3 – Đánh giá của sinh viên đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT)** cho thấy các tiêu chí đều đạt **điểm trung bình cao, dao động từ 4,31 đến 4,38/5**, phản ánh **mức độ hài lòng tích cực của sinh viên** về tính phù hợp và hiệu quả của chuẩn đầu ra.

Cụ thể, tiêu chí **“Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Trường”** đạt **điểm trung bình cao nhất (4,38)**, cho thấy sinh viên nhận thấy sự **nhất quán giữa mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển chiến lược của Nhà trường**. Tiêu chí **“Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội”** đạt **4,35 điểm**, thể hiện sự **gắn kết giữa chương trình đào tạo với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và xã hội**. Trong khi đó, hai tiêu chí **“Chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động”** (4,33 điểm) và **“Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra”** (4,31 điểm) cũng được đánh giá cao, phản ánh tính toàn diện và sự liên kết chặt chẽ giữa các học phần trong việc hướng tới mục tiêu đào tạo chung.

Nhìn chung, các kết quả này cho thấy **chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá ở mức tốt, đảm bảo tính phù hợp, khả thi và gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp**. Tuy nhiên, chênh lệch nhẹ giữa các tiêu chí (dao động 0,07 điểm) cho thấy **vẫn cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh để tăng cường hơn nữa tính đồng bộ giữa nội dung môn học và yêu cầu đầu ra**, cũng như thường xuyên **cập nhật chuẩn đầu ra phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động và định hướng phát triển của Nhà trường**.

2.2.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành	4.29
Số lượng tín chỉ đào tạo CTĐT phù hợp	4.42
Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau	4.28
Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên	4.27
Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	4.29

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 4 – Đánh giá của sinh viên đối với cấu trúc chương trình đào tạo (CTĐT)** cho thấy sinh viên có mức độ hài lòng cao và tương đối đồng đều giữa các tiêu chí, với điểm trung bình dao động từ 4,27 đến 4,42/5. Điều này phản ánh rằng cấu trúc của CTĐT được đánh giá là hợp lý, khoa học và phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Trong đó, tiêu chí “**Số lượng tín chỉ đào tạo của CTĐT phù hợp**” đạt điểm trung bình cao nhất (4,42), cho thấy sinh viên nhận thấy khối lượng học tập được thiết kế vừa sức, hợp lý và đáp ứng tốt khối lượng kiến thức cần thiết cho quá trình học tập. Tiêu chí “**Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành**” và “**Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý**” đều đạt 4,29 điểm, thể hiện rằng chương trình có sự liên kết logic giữa các học phần, đồng thời đảm bảo cân đối giữa đào tạo kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành. Hai tiêu chí còn lại, “**Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau**” (4,28 điểm) và “**Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên**” (4,27 điểm), tuy có điểm thấp hơn một chút nhưng vẫn ở mức cao, phản ánh mong muốn của sinh viên được tăng thêm sự linh hoạt trong lựa chọn môn học và đa dạng hóa nội dung học tập.

Tổng thể, các kết quả cho thấy cấu trúc CTĐT đã được xây dựng hợp lý, đảm bảo tính hệ thống và tính thực tiễn, góp phần giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình. Tuy nhiên, vẫn cần xem xét điều chỉnh, mở rộng thêm các học phần tự chọn và tăng cường tích hợp giữa lý thuyết với thực hành, nhằm tăng tính linh hoạt, cá nhân hóa lộ trình học tập và đáp ứng tốt hơn nhu cầu nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh thị trường lao động đang thay đổi nhanh chóng.

2.2.3. Hoạt động giảng dạy của giảng viên

Bảng 5. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Hoạt động giảng dạy của giảng viên

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Phương pháp và hình thức tổ chức dạy-học phù hợp với đặc thù từng môn học	4.38
Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	4.38
Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	4.44

Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng	4.35
Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời	4.40
Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập	4.45
Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của môn học	4.39

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 5 – Đánh giá của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên** cho thấy sinh viên có mức độ hài lòng rất cao, với điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4,35 đến 4,45/5. Điều này phản ánh rằng **chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên được đánh giá tích cực và đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.**

Cụ thể, tiêu chí **“Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập”** đạt điểm trung bình cao nhất (4,45), cho thấy sinh viên đánh giá cao sự đổi mới trong phương pháp kiểm tra – đánh giá, giúp người học được phản ánh đúng năng lực và khuyến khích phát huy tính chủ động trong học tập. Tiêu chí **“Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn”** đạt 4,44 điểm, thể hiện sự gắn kết giữa nội dung giảng dạy với thực tế nghề nghiệp, góp phần giúp sinh viên dễ dàng áp dụng kiến thức vào thực hành.

Bên cạnh đó, các tiêu chí **“Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời”** (4,40 điểm), **“Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của môn học”** (4,39 điểm) và **“Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc thù từng môn học”** (4,38 điểm) đều có điểm cao, phản ánh tính khoa học, rõ ràng và hợp lý trong quá trình tổ chức giảng dạy. Hai tiêu chí **“Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu”** (4,38 điểm) và **“Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng”** (4,35 điểm) cũng cho thấy sự công bằng, minh bạch và tính chuyên nghiệp trong hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên.

Tổng thể, các kết quả trên khẳng định rằng **hoạt động giảng dạy của giảng viên là một trong những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo.** Sinh viên đánh giá cao sự linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, khả năng gắn lý thuyết với thực tiễn, và tinh thần đổi mới trong kiểm tra – đánh giá học tập. Tuy nhiên, Nhà trường vẫn cần duy trì và khuyến khích giảng viên tiếp tục cập nhật các phương pháp dạy học hiện đại, tăng cường tính tương tác, phản hồi hai chiều và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và trải nghiệm học tập của sinh viên.

2.2.4. Công tác tổ chức và quản lý đào tạo

Bảng 6. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Công tác tổ chức và quản lý đào tạo

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên	4.07
Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên	4.03
Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu	4.27
Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	4.33
Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt	4.39
Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt	4.37
SV được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học	4.41

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 6 – Đánh giá của sinh viên đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo** cho thấy **sinh viên có mức độ hài lòng tương đối cao**, với **điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4,03 đến 4,41/5**. Nhìn chung, kết quả này phản ánh rằng **công tác quản lý đào tạo của Nhà trường được thực hiện hiệu quả, có sự quan tâm đến người học**, tuy nhiên vẫn còn một số khía cạnh cần tiếp tục cải thiện, đặc biệt là về cơ sở vật chất phục vụ học tập.

Cụ thể, tiêu chí **“Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học”** đạt **điểm trung bình cao nhất (4,41)**, cho thấy **Nhà trường đã chú trọng phát triển năng lực nghiên cứu của sinh viên**, tạo cơ hội cho người học được tiếp cận và tham gia vào các hoạt động học thuật. Tiếp theo là tiêu chí **“Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt”** (4,39 điểm) và **“Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt”** (4,37 điểm), phản ánh **sự tận tâm, tinh thần hỗ trợ và tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý, phục vụ sinh viên**.

Hai tiêu chí liên quan đến **hệ thống thư viện** cũng được đánh giá khá tích cực: “**Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học**” đạt **4,33 điểm**, và “**Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu**” đạt **4,27 điểm**. Điều này cho thấy **nguồn học liệu và hệ thống thông tin học tập của Nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên**.

Ngược lại, hai tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất là “**Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên**” (4,07 điểm) và “**Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên**” (4,03 điểm). Đây là **những yếu tố còn hạn chế, phản ánh sự cần thiết phải đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy – thực hành nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên**.

Như vậy, kết quả ở Bảng 6 cho thấy **công tác tổ chức và quản lý đào tạo của Nhà trường đang được thực hiện tốt**, đặc biệt là ở các khía cạnh **hỗ trợ sinh viên, hoạt động cố vấn học tập và phát triển nghiên cứu khoa học**. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và trải nghiệm học tập của sinh viên, Nhà trường cần **tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất, hiện đại hóa thiết bị học tập và phòng thực hành**, từ đó **đảm bảo sự đồng bộ giữa quản lý, hỗ trợ và điều kiện học tập thực tế**.

2.2.5. Sinh hoạt và đời sống

Bảng 7. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Sinh hoạt và đời sống

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên	4.30
Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia	4.32
Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên	4.30
Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Trường	4.21
Cảnh quan vệ sinh môi trường	4.29

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 7 – Đánh giá của sinh viên đối với sinh hoạt và đời sống** cho thấy **sinh viên có mức độ hài lòng khá cao**, với **điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4,21 đến 4,32/5**. Điều này phản ánh rằng **Nhà trường đã quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong các**

hoạt động đời sống, văn hóa và tinh thần, song vẫn còn một số mặt cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học.

Cụ thể, tiêu chí “**Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia**” đạt điểm trung bình cao nhất (4,32), cho thấy các hoạt động phong trào, công tác Đoàn – Hội được tổ chức hiệu quả, có tính hấp dẫn và góp phần tích cực trong việc rèn luyện kỹ năng, tinh thần đoàn kết cho sinh viên. Hai tiêu chí “**Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên**” và “**Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên**” đều đạt 4,30 điểm, thể hiện rằng Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm lo chính sách và tạo sân chơi tinh thần phong phú cho sinh viên.

Tiêu chí “**Cảnh quan vệ sinh môi trường**” đạt 4,29 điểm, phản ánh môi trường học tập sạch đẹp, cảnh quan được duy trì ở mức tốt, góp phần tạo nên không gian học tập thân thiện và tích cực. Tuy nhiên, tiêu chí “**Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Trường**” chỉ đạt 4,21 điểm, thấp nhất trong nhóm, cho thấy dịch vụ y tế học đường và công tác chăm sóc sức khỏe cần được quan tâm, đầu tư hơn nữa, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của sinh viên ngày càng cao.

Nhìn chung, kết quả ở Bảng 7 cho thấy **công tác hỗ trợ sinh viên trong đời sống, sinh hoạt và hoạt động phong trào tại Trường đạt hiệu quả tích cực**, góp phần xây dựng môi trường học tập thân thiện, năng động và toàn diện. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đời sống sinh viên, Nhà trường cần **đẩy mạnh hoạt động y tế học đường, cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đồng thời tiếp tục duy trì và đa dạng hóa các hoạt động văn hóa – thể thao – đoàn hội**, hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho người học.

2.2.6. Kết quả đạt được từ khoá học

Bảng 8. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với Kết quả đạt được từ khoá học

Nội dung đánh giá	Giá trị trung bình
Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	4.34
Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành	4.40
Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo	4.36
Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm	4.41
Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin	4.42
Phát triển kỹ năng giao tiếp	4.41
Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	4.32

Phát triển kỹ năng sử dụng tin học	4.29
Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai	4.33
SV tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học	4.35

(Nguồn: Điều tra xử lý số liệu năm 2025)

Kết quả ở **Bảng 8 – Đánh giá của sinh viên đối với kết quả đạt được từ khóa học** cho thấy sinh viên có mức độ hài lòng cao và khá đồng đều giữa các tiêu chí, với điểm trung bình dao động từ 4,29 đến 4,42. Điều này phản ánh rằng chương trình đào tạo đã giúp sinh viên đạt được nhiều tiến bộ về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và định hướng tương lai, đáp ứng tốt mục tiêu của khóa học.

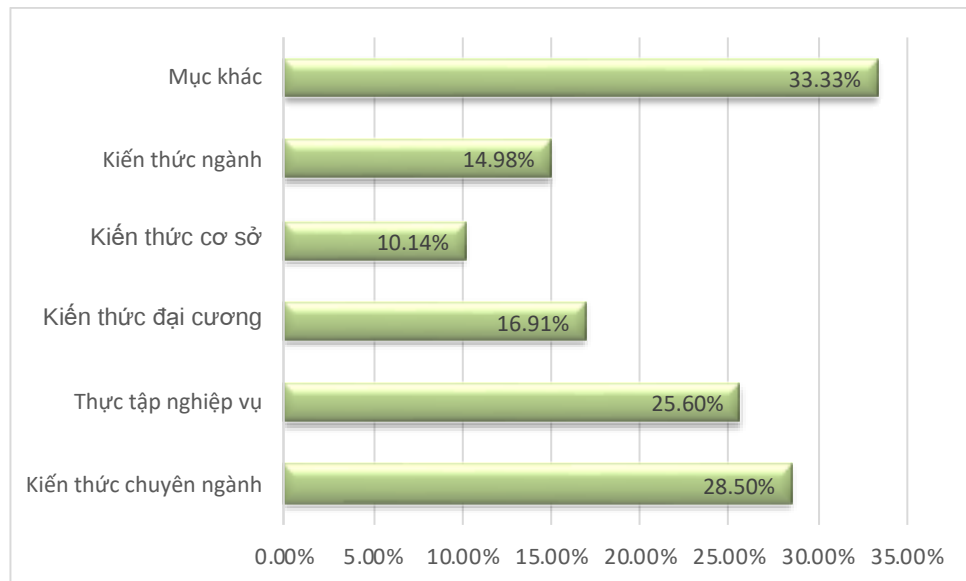
Cụ thể, tiêu chí **“Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin”** đạt điểm trung bình cao nhất (4,42), cho thấy chương trình đã trang bị cho sinh viên khả năng tư duy phản biện và xử lý tình huống thực tiễn hiệu quả – những kỹ năng cốt lõi trong môi trường làm việc hiện nay. Hai tiêu chí **“Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm”** và **“Phát triển kỹ năng giao tiếp”** cùng đạt 4,41 điểm, phản ánh chương trình đào tạo đã chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng hợp tác, trao đổi và thích ứng trong môi trường làm việc tập thể.

Bên cạnh đó, các tiêu chí **“Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành”** (4,40 điểm) và **“Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo”** (4,36 điểm) cho thấy sinh viên đánh giá cao tính định hướng nghề nghiệp và năng lực sáng tạo mà khóa học mang lại. Tiêu chí **“Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp”** (4,34 điểm) và **“Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai”** (4,33 điểm) cũng khẳng định sự phù hợp của nội dung đào tạo với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của người học.

Hai tiêu chí **“Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ”** (4,32 điểm) và **“Phát triển kỹ năng sử dụng tin học”** (4,29 điểm) có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm, phản ánh rằng mặc dù sinh viên đã được trang bị các kỹ năng này, nhưng vẫn cần được tăng cường hơn nữa, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Kết quả ở **Bảng 8** cho thấy khóa học đã mang lại hiệu quả đào tạo toàn diện, giúp sinh viên phát triển cả về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đầu ra, Nhà trường cần đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ và tin học ứng dụng, đồng thời tăng cường hoạt động hướng nghiệp và thực hành nghề nghiệp, giúp sinh viên tự tin hơn khi bước vào thị trường lao động và đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện đại.

❖ Ngoài ra, nhà trường cũng thống kê khảo sát sự hợp lý của phân bổ chương trình cho kết quả như sau:



Hình 1. Biểu đồ phân bố chương trình đào tạo còn chưa hợp lý

Kết quả khảo sát về sự hợp lý trong phân bố chương trình đào tạo cho thấy vẫn còn tồn tại những bất cân đối nhất định giữa các khối kiến thức. Cụ thể, tỷ lệ ý kiến cho rằng chương trình chưa hợp lý tập trung nhiều nhất ở nhóm **“mục khác”** với **33,33%**, phản ánh việc chương trình vẫn còn bao gồm những nội dung chưa thật sự phù hợp hoặc chưa được phân loại rõ ràng trong cơ cấu đào tạo. Tiếp đến là các học phần thuộc **kiến thức chuyên ngành (28,50%)** và **thực tập nghiệp vụ (25,60%)**, cho thấy người học mong muốn tăng cường sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như điều chỉnh khối lượng học phần chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Trong khi đó, các nhóm **kiến thức đại cương (16,91%)**, **kiến thức ngành (14,98%)** và **kiến thức cơ sở (10,14%)** cũng được phản ánh có những điểm chưa thật sự hợp lý về nội dung hoặc thời lượng giảng dạy. Điều này cho thấy cần có sự rà soát và điều chỉnh lại cơ cấu chương trình đào tạo nhằm đảm bảo tính cân đối giữa các khối kiến thức, tăng cường tính ứng dụng và phù hợp hơn với mục tiêu, chuẩn đầu ra của nhà trường.

2.3. Phân tích ý kiến các câu hỏi mở

Thông qua ba câu hỏi mở, sinh viên đã đưa ra nhiều ý kiến phản hồi thể hiện sự quan tâm đối với tính thực tiễn và khả năng ứng dụng của các học phần trong lĩnh vực du lịch.

Thứ nhất, đối với câu hỏi *“Những môn học nào trong chương trình đào tạo không cần thiết”*, phần lớn sinh viên đề xuất giảm bớt các học phần đại cương và các môn có nội dung liên quan đến Toán học, như Xác suất thống kê, Kinh tế học ứng dụng, Nguyên lý kế toán, Thống kê kinh doanh và Kinh tế. Ngoài ra, một số sinh viên thuộc các chuyên ngành như Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống (QTNH&DVAU) cho rằng các môn như Văn hóa và

du lịch, Thương mại điện tử, Pháp luật đại cương,... có nội dung chưa thật sự phù hợp hoặc ít liên quan đến thực tiễn nghề du lịch.

Thứ hai, với câu hỏi “*Những môn học nào cần bổ sung thêm thời lượng*”, đa số ý kiến tập trung vào nhóm học phần chuyên ngành. Sinh viên cho rằng các học phần này cần được tăng cường thời lượng, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, cũng như tổ chức thêm các hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc tham quan thực địa nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

- **Ngành Quản lý lữ hành (QLLH):** sinh viên đề xuất tăng thời lượng các học phần: *Nghiep vụ hướng dẫn du lịch, Quản lý lữ hành, Thiết kế chương trình du lịch*, các môn về *Văn hóa và Tâm lý du khách*.
- **Ngành QTNH&DVAU:** sinh viên mong muốn tăng cường các học phần liên quan đến *Nghiep vụ nhà hàng, Ẩm thực và Dịch vụ ăn uống*, bổ sung đào tạo về phần mềm quản lý vận hành trong kinh doanh nhà hàng (như *Opera*).
- **Ngành Du lịch điện tử:** sinh viên đề nghị tăng thời lượng cho các học phần có tính thực hành cao như *Xây dựng website thương mại điện tử, Thanh toán điện tử, Marketing điện tử, Chiến lược kinh doanh điện tử*, cũng như kỹ năng sử dụng *Microsoft Office* và các phần mềm thiết kế.
- **Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD):** sinh viên cho rằng cần chú trọng hơn các học phần về *Nhà hàng, khách sạn, bán hàng và Ngoại ngữ chuyên ngành*.
- **Ngành Quản trị khách sạn (QTKS):** sinh viên đề xuất tăng thời lượng cho các học phần về *Quản trị lễ tân, quản trị nhà hàng*, các lớp nghiệp vụ, *Ngoại ngữ chuyên ngành, Quản trị rủi ro/tài chính, Marketing*, cùng các học phần về *kỹ năng xử lý tình huống và giao tiếp nghề nghiệp*.
- **Ngành Quản trị du lịch và khách sạn (QTDL&KS):** sinh viên phản ánh một số nội dung học phần còn trùng lặp, đồng thời đề nghị tăng thời lượng cho các học phần chuyên ngành về *Khách sạn, Marketing, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo*, cũng như các kỹ năng mềm như *ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề*.
- **Ngành Du lịch**, sinh viên mong muốn tăng cường các học phần chuyên ngành và mở rộng các chương trình học thực tế.

Đa số sinh viên các ngành cũng cho rằng học phần ***Phương pháp nghiên cứu trong du lịch*** cần được tăng thời lượng để hỗ trợ hiệu quả hơn cho quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Thứ ba, đối với câu hỏi “*Những môn học, chuyên đề hoặc kỹ năng nào cần được bổ sung vào chương trình đào tạo*”, phần lớn ý kiến tập trung vào các **kỹ năng mềm** và **kỹ năng nghề nghiệp**, bao gồm: *kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng thiết kế tour, kỹ năng hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ lễ tân – nhà hàng, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề*.

Tổng thể, kết quả phân tích cho thấy người học đánh giá chương trình đào tạo hiện hành là tương đối phù hợp, song vẫn mong muốn tăng cường tính thực hành, kỹ năng nghề và trải nghiệm thực tế, đồng thời giảm bớt các học phần có tính lý thuyết hoặc mang nặng tính đại cương, chưa gắn với thực tiễn ngành du lịch. Những phản hồi này là cơ sở quan trọng để Nhà trường xem xét, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động du lịch.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Kết quả khảo sát 207 sinh viên tốt nghiệp khóa 55 năm 2025 cho thấy **mức độ hài lòng cao và ổn định** đối với chương trình đào tạo của Trường Du lịch – Đại học Huế, với điểm trung bình các tiêu chí dao động từ **4,03 đến 4,45/5**. Điều này phản ánh **chất lượng đào tạo của Nhà trường được sinh viên ghi nhận tích cực**, đặc biệt ở các mặt: năng lực giảng dạy của giảng viên, tính phù hợp của chương trình đào tạo, và hiệu quả phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

Sinh viên đánh giá rất cao **phương pháp giảng dạy, sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, và tính công bằng – đa dạng trong đánh giá học tập**. Chương trình được nhận định là có **cấu trúc hợp lý, đảm bảo liên kết giữa các khối kiến thức cơ sở – chuyên ngành**, đồng thời giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thiết yếu như làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số **tồn tại cần được quan tâm điều chỉnh**. Một số sinh viên cho rằng **các học phần đại cương và những môn học nặng về tính toán còn ít gắn với thực tiễn ngành du lịch**, gây cảm giác quá tải và làm giảm hứng thú học tập. Trong khi đó, các **học phần chuyên ngành và kỹ năng nghề** lại có **thời lượng hạn chế hoặc chưa có nhiều cơ hội thực hành, trải nghiệm thực tế**.

Sinh viên cũng bày tỏ mong muốn được **bổ sung nhiều hơn các học phần gắn với thực tế nghề nghiệp và phát triển các kỹ năng mềm**, thực hành sử dụng các phần mềm

quản lý (Opera, Excel, hệ thống đặt phòng và bán tour, thiết kế website,...) cũng như tăng thêm thời lượng giảng dạy học phần Phương pháp nghiên cứu trong du lịch.

Ngoài ra, sinh viên đề nghị **tăng cường đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng tin học ứng dụng**, xem đây là năng lực quan trọng để thích ứng với xu hướng chuyển đổi số và hội nhập quốc tế của ngành du lịch.

Về điều kiện học tập, mặc dù môi trường học tập, cảnh quan và hoạt động hỗ trợ sinh viên được đánh giá tốt, song **thiết bị phòng học, phòng thực hành và công tác chăm sóc sức khỏe sinh viên** vẫn còn hạn chế, cần được đầu tư hơn để đáp ứng nhu cầu học tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

3.2. Kiến nghị

Từ những kết quả trên, báo cáo đề xuất các **kiến nghị cụ thể** như sau:

- Điều chỉnh và tinh gọn chương trình đào tạo

+ Rà soát toàn bộ chương trình để **giảm tải các học phần đại cương, lý thuyết trùng lặp hoặc nặng về tính toán**, chỉ giữ lại những nội dung thật sự cần thiết cho nền tảng tư duy và quản trị du lịch.

+ Cập nhật nội dung các môn đại cương theo hướng **liên hệ với thực tiễn ngành du lịch**, lồng ghép ví dụ, tình huống, bài tập ứng dụng trong du lịch – dịch vụ để tăng tính hấp dẫn và tính ứng dụng.

+ Đảm bảo sự **cân đối giữa khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và thực hành**, hạn chế chồng chéo nội dung giữa các học phần.

- Tăng cường học phần chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp

+ Tăng thời lượng các học phần nghiệp vụ như Quản trị khách sạn, Nghiệp vụ lễ tân – nhà hàng, Thiết kế tour, Quản trị lữ hành, Hướng dẫn du lịch, Marketing du lịch, Ẩm thực và Dịch vụ ăn uống, các học phần liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử (Xây dựng website thương mại điện tử, Thanh toán điện tử, Marketing điện tử, Chiến lược kinh doanh điện tử,...)

+ Tổ chức nhiều hơn **hoạt động thực hành, thực tập, tham quan thực tế, dự án nghề nghiệp**, giúp sinh viên cọ xát và phát triển kỹ năng nghề.

- Phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng số cho sinh viên

+ Bổ sung các chuyên đề kỹ năng: giao tiếp nghề nghiệp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, sáng tạo và đổi mới trong du lịch.

+ Đưa vào chương trình các học phần về **ứng dụng công nghệ và phần mềm quản lý du lịch – khách sạn**, kỹ năng thương mại điện tử và marketing số.

- Tăng cường đào tạo ngoại ngữ và tin học chuyên ngành

+ Đẩy mạnh giảng dạy **ngoại ngữ chuyên ngành du lịch** với trọng tâm là kỹ năng giao tiếp và nghiệp vụ.

+ Nâng cao năng lực **sử dụng phần mềm tin học ứng dụng** và các công cụ quản lý kỹ thuật số trong du lịch.

- Đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao môi trường học tập

+ Ưu tiên đầu tư nâng cấp **phòng học, phòng thực hành, thư viện điện tử, thiết bị công nghệ phục vụ giảng dạy và học tập.**

+ Cải thiện **dịch vụ y tế học đường** và các **hoạt động hỗ trợ sinh viên**, đảm bảo sức khỏe, tinh thần và đời sống học tập tốt hơn.

- Tăng cường liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp

+ Phát triển các **chương trình thực tập, học kỳ doanh nghiệp** và **dự án thực tế** để sinh viên được học trong môi trường nghề nghiệp thật.

+ Xây dựng mạng lưới **kết nối cựu sinh viên – doanh nghiệp**, tạo cơ hội việc làm, hỗ trợ định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp du lịch.

Nơi nhận:

- Các Khoa;
- Phòng ban;
- Lưu: VT, TDL, BTTH.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Hữu Tuấn

PHỤ LỤC

Bảng 9: Bảng đối sánh kết quả đánh giá giữa các chương trình đào tạo

Bảng 10: Bảng đối sánh kết quả đánh giá giữa các chương trình đào tạo

Phiếu khảo sát đánh giá toàn khoá học sinh viên Khoá K55, năm học 2024 – 2025

Bảng 9. Bảng đối sánh kết quả đánh giá giữa các chương trình đào tạo

STT câu hỏi	Ngành QTDVDL&LH		Ngành QTKD		Ngành DL		Toàn trường	
	N	TB	N	TB	N	TB	N	TB
1	76	4.36	13	4.46	10	3.9	207	4.33
2	76	4.36	13	4.38	10	3.9	207	4.31
3	76	4.37	13	4.38	10	4.1	207	4.35
4	76	4.42	13	4.46	10	4.0	207	4.38
5	76	4.34	13	4.46	10	3.8	207	4.29
6	76	4.51	13	4.46	10	4.0	207	4.42
7	76	4.28	13	4.38	10	4.1	207	4.28
8	76	4.37	13	4.46	10	3.7	207	4.27
9	76	4.39	13	4.46	10	4.1	207	4.29
10	76	4.47	13	4.46	10	3.9	207	4.38
11	76	4.39	13	4.54	10	4.0	207	4.38
12	76	4.47	13	4.46	10	3.9	207	4.44
13	76	4.42	13	4.38	10	3.7	207	4.35
14	76	4.45	13	4.31	10	3.9	207	4.40
15	76	4.49	13	4.54	10	3.9	207	4.45
16	76	4.42	13	4.46	10	3.9	207	4.39
17	76	4.13	13	3.85	10	3.9	207	4.07
18	76	4.09	13	4.08	10	3.7	207	4.03
19	76	4.33	13	4.23	10	3.8	207	4.27
20	76	4.41	13	4.38	10	3.9	207	4.33
21	76	4.42	13	4.31	10	4.0	207	4.39
22	76	4.51	13	4.31	10	4.1	207	4.37
23	76	4.45	13	4.54	10	3.9	207	4.41
24	76	4.37	13	4.54	10	3.8	207	4.30
25	76	4.43	13	4.54	10	3.8	207	4.32
26	76	4.41	13	4.38	10	3.7	207	4.30
27	76	4.26	13	4.38	10	3.7	207	4.21
28	76	4.33	13	4.38	10	4	207	4.29
29	76	4.41	13	4.46	10	3.9	207	4.34
30	76	4.49	13	4.46	10	4	207	4.40
31	76	4.45	13	4.54	10	3.9	207	4.36
32	76	4.54	13	4.54	10	3.8	207	4.41
33	76	4.57	13	4.54	10	3.8	207	4.42
34	76	4.54	13	4.54	10	4.1	207	4.41
35	76	4.43	13	4.38	10	3.9	207	4.32
36	76	4.39	13	4.54	10	3.8	207	4.29
37	76	4.47	13	4.46	10	3.7	207	4.33
38	76	4.41	13	4.54	10	3.9	207	4.35

Bảng 10. Bảng đối sánh kết quả đánh giá giữa các chương trình đào tạo

STT câu hỏi	Ngành QTKS		Ngành QTNH&DVAU		Ngành QTDL&KS		Ngành DLĐT	
	N	TB	N	TB	N	TB	N	TB
1	80	4.34	16	4.44	7	4.57	5	3.6
2	80	4.3	16	4.44	7	4.71	5	3.6
3	80	4.38	16	4.44	7	4.29	5	3.8
4	80	4.36	16	4.5	7	4.57	5	4.0
5	80	4.35	16	4.38	7	4.14	5	3.2
6	80	4.39	16	4.44	7	4.71	5	3.6
7	80	4.29	16	4.38	7	4.29	5	3.8
8	80	4.23	16	4.38	7	4.43	5	3.6
9	80	4.21	16	4.13	7	4.71	5	3.6
10	80	4.35	16	4.25	7	4.71	5	4.2
11	80	4.38	16	4.38	7	4.43	5	4.6
12	80	4.4	16	4.56	7	4.86	5	4.6
13	80	4.34	16	4.38	7	4.43	5	4.6
14	80	4.36	16	4.5	7	4.71	5	4.8
15	80	4.43	16	4.56	7	4.57	5	4.6
16	80	4.41	16	4.44	7	4.57	5	4.0
17	80	4.13	16	4.13	7	4.00	5	3.0
18	80	4.05	16	3.94	7	4.29	5	3.2
19	80	4.26	16	4.38	7	4.71	5	3.4
20	80	4.3	16	4.31	7	4.71	5	3.8
21	80	4.38	16	4.38	7	4.57	5	4.8
22	80	4.26	16	4.31	7	4.86	5	4.2
23	80	4.36	16	4.5	7	4.86	5	4.4
24	80	4.26	16	4.19	7	4.71	5	4.0
25	80	4.21	16	4.38	7	4.71	5	4.0
26	80	4.26	16	4.44	7	4.71	5	3.4
27	80	4.24	16	4.25	7	4.14	5	3.4
28	80	4.31	16	4.31	7	4.57	5	3.4
29	80	4.31	16	4.31	7	4.86	5	3.8
30	80	4.39	16	4.25	7	4.71	5	3.8
31	80	4.36	16	4.19	7	4.57	5	3.6
32	80	4.38	16	4.25	7	4.71	5	3.8
33	80	4.38	16	4.31	7	4.57	5	3.8
34	80	4.35	16	4.25	7	4.71	5	3.8
35	80	4.29	16	4.13	7	4.86	5	3.6
36	80	4.21	16	4.13	7	4.57	5	4.4
37	80	4.31	16	4.25	7	4.57	5	3.4
38	80	4.36	16	4.38	7	4.43	5	3.4

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ TOÀN KHOÁ HỌC
NĂM HỌC: 2024-2025

Số phiếu: _____ Ngày nhận: / /
Hình thức khảo sát: ☐ Thư ☐ Mail ☐ Online ☐ Phỏng vấn trực tiếp

Kính gửi: Các anh/chị sinh viên Trường Du lịch.

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường. Chúng tôi trân trọng gửi tới Anh/chị phiếu khảo sát đóng góp ý kiến dưới đây. Chúng tôi xin bảo đảm các thông tin cung cấp trong phiếu khảo sát này sẽ được giữ kín, vì vậy chúng tôi rất mong Anh/chị trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi.

Cám ơn sự tham gia các Anh/chị!

PHẦN 1: THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1. Họ và tên sinh viên
- 2. Ngành học:
- 3. Chuyên ngành:
- 4. Điện thoại:.....
- 5. Email:

PHẦN 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

Xin bạn vui lòng cho ý kiến nhận xét của mình về khóa học tại Trường Du lịch bằng cách đánh dấu  vào ô tương ứng theo số thứ tự với thang đánh giá:

1 = “Rất không đồng ý” 2 = “Không đồng ý” 3 = “Trung lập”
4 = “Đồng ý” 5 = “Rất đồng ý”

Nội dung 1. Đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ

STT	Nội dung khảo sát	Thang đánh giá				
1.1	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)					
1	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	1	2	3	4	5
2	Các môn học trong CTĐT đều góp phần vào việc đạt chuẩn đầu ra	1	2	3	4	5

3	Mục tiêu và nội dung của CTĐT rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	1	2	3	4	5
---	---	---	---	---	---	---

4	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa	1	2	3	4	5
1.2	CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)					
5	Cấu trúc giữa các khối kiến thức đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành	1	2	3	4	5
6	Số lượng tín chỉ đào tạo CTĐT phù hợp	1	2	3	4	5
7	Các môn học có cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau	1	2	3	4	5
8	Số lượng môn học tự chọn của CTĐT đáp ứng mong đợi của sinh viên	1	2	3	4	5
9	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	1	2	3	4	5
1.3	HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN					
10	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học phù hợp với đặc thù từng môn học	1	2	3	4	5
11	Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	1	2	3	4	5
12	Giảng viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	1	2	3	4	5
13	Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập đảm bảo tính công bằng	1	2	3	4	5
14	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời	1	2	3	4	5
15	Giảng viên đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập	1	2	3	4	5
16	Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học	1	2	3	4	5
1.4	CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO					
17	Thiết bị phòng học hỗ trợ việc học của sinh viên	1	2	3	4	5
18	Thiết bị phòng thực hành hỗ trợ việc học của sinh viên	1	2	3	4	5
19	Dữ liệu khoa học tại thư viện được cập nhật, dễ dàng truy cập và tra cứu	1	2	3	4	5
20	Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	1	2	3	4	5
21	Cố vấn học tập quan tâm, hợp tác, quản lý sinh viên tốt	1	2	3	4	5
22	Cán bộ các phòng ban có thái độ phục vụ sinh viên tốt	1	2	3	4	5
23	Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia nghiên cứu khoa học	1	2	3	4	5

1.5	SINH HOẠT VÀ ĐỜI SỐNG					
24	Giải quyết đầy đủ những chính sách xã hội của sinh viên	1	2	3	4	5
25	Các hoạt động Đoàn, hội bổ ích và có ý nghĩa thiết thực, thu hút sinh viên tham gia	1	2	3	4	5
26	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu của sinh viên	1	2	3	4	5
27	Sinh viên được chăm sóc sức khỏe trong thời gian học tại Trường	1	2	3	4	5
28	Cảnh quan vệ sinh môi trường	1	2	3	4	5

Nội dung 2: Kết quả đạt được từ khóa học

STT	Nội dung khảo sát	Thang đánh giá				
29	Cung cấp những kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	1	2	3	4	5
30	Đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành	1	2	3	4	5
31	Phát triển kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo	1	2	3	4	5
32	Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm	1	2	3	4	5
33	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin	1	2	3	4	5
34	Phát triển kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
35	Phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	1	2	3	4	5
36	Phát triển kỹ năng sử dụng tin học	1	2	3	4	5
37	Giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai	1	2	3	4	5
38	Sinh viên tự tin khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học	1	2	3	4	5

PHẦN 3: Ý KIẾN KHÁC

39. Với sự phân bổ chương trình có phần nào còn chưa hợp lý:

- | | |
|--|---|
| ☐ Kiến thức đại cương | ☐ Kiến thức cơ sở |
| ☐ Kiến thức ngành | ☐ Kiến thức chuyên ngành |
| ☐ Thực tập nghiệp vụ | ☐ Mục khác..... |

40. Theo Anh/chị những môn học nào trong chương trình đào tạo không cần thiết?

.....

41. Theo Anh/chị những môn học nào trong chương trình đào tạo cần bổ sung thêm thời lượng?

.....

.....

.....

.....

42. Theo Anh/chị những môn học, chuyên đề hoặc kỹ năng nào cần được bổ sung thêm vào chương trình đào tạo?

.....

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/chị!